TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ A**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 301/2019/DSPT
Ngày: 16/4/2019
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

N DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ A

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức T.

Các Thẩm phán:

1. Ông Uông Văn T1
2. Bà M1 Thị Thuỷ T2

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Đoàn Thục T3 – Thư ký Tòa án Nhân dân Thành phố A

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố A tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn H - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 16 tháng 4 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án Nhân dân Thành phố A xét xử phúc thẩm công khai vụ ánhân dân sự thụ lý số: 664/DSPT ngày 21/12/2018 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

Do bản ánhân dân sự sơ thẩm số: 555/2018/DS-ST ngày 19/10/2018 của Tòa án Nhân dân Quận A1, Thành phố A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 538//2019/QĐPT ngày 14 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên toà dân sự phúc thẩm số 1273/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn P, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: 16/13 X, khu phố LB, phường LB1, Quận A1, Thành phố A.

Bị đơn: Ông Phan Ngọc N, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: 16/12 X, khu phố LB, phường LB1, Quận A1, Thành phố A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị M, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: 16/13 X, khu phố LB, phường LB1, Quận A1, Thành phố A.

2. Bà Phan Ngọc D, sinh năm 1993 (vắng mặt);
3. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1968 (vắng mặt);
4. Bà Phan Ngọc Y, sinh năm 1989 (vắng mặt);
5. Bà Lê Thị C(vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 16/12 X, khu phố LB, phường LB1, Quận A1, Thành phố A.

6. Bà Lê Ánh Q(vắng mặt);

Địa chỉ: 23 đường số 8, tổ 2, khu phố LB, phường LB1, Quận A1, Thành phố A.

7. Ủy ban Nhân dân Quận A1, Thành phố A.

Địa chỉ: 2/304 XH, phường PH, Quận A1, Thành phố A.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Võ Thị Ngọc D1(vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Ngô Minh T4, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: 1099/9 X, khu phố BĐ, phường LB1, Quận A1, Thành phố A.

2. Ông Lê TH, sinh năm 1952 (vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: 1016 X, khu phố BĐ, phường LB1, Quận A1, Thành phố A.

Người kháng cáo: Nguyên đơn – Ngân hàng AA

NỘI DUNGVỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Trần Văn P trình bày:

Diện tích 1658m^2 thuộc thửa 420, tờ bản đồ 12 (theo tài liệu 02) nay thuộc thửa 05, tờ bản đồ 84, phường LB1, Quận A1 (theo tài liệu năm 2003) có nguồn gốc là của cha mẹ vợ ông là ông Lê Văn NV(chết năm 2005) và bà Nguyễn Thị KK (chết năm 1998) sử dụng từ năm 1960, đến ngày 12/6/1991 ông NV, bà KK lập giấy tay cho lại cho vợ chồng ông sử dụng. Vợ chồng ông sử dụng ổn định từ năm 1991 cho đến nay. Trên thửa đất 420 có căn nhà lá và các cây ăn trái do cha vợ ông trồng, mặc dù ông sử dụng thửa đất này nhưng không đăng ký kê khai và không nộp thuế. Năm 2002, ông đi đăng ký nhưng Uỷ ban Nhân dân phường LB1 không cho, đến năm 2008 ông mới biết thửa đất 420 đã được Uỷ ban Nhân dân Quận A1 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 164692 ngày 28/9/2000 cho hộ ông Phan Ngọc N. Thửa đất 420 nằm trong dự án chỉnh trang phát triển đô thị tại phường LB1, Quận A1, Thành phố A nên Uỷ ban Nhân dân Quận A1 đã ban hành quyết định công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phan Ngọc N với số tiền là 1.801.914.000 đồng. Do đó, ông yêu cầu Tòa án Nhân dân Quận A1 xem xét giải quyết:

- Tuyên hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 164692 ngày 28/9/2000 mà Ủy ban Nhân dân Quận A1 đã cấp cho hộ ông Phan Ngọc N đối với thửa đất 420, tờ bản đồ số 12 (theo tài liệu 02), phường LB1, Quận A1, Thành phố A.

- Công nhận cho ông quyền sử dụng đối với diện tích đất 1658m^2 thuộc thửa 420, tờ bản đồ số 12 (Tài liệu 02), phường LB1, Quận A1, Thành phố A.

Bị đơn ông Phan Ngọc N trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 420 là do cha mẹ ông tên Phan Văn NP (chết năm 1977) và bà Lê Thị C sử dụng từ năm 1959 theo bản Khế ước tá điền 1K mẫu số 2 lập ngày 06/01/1955. Sau đó, cha mẹ ông cho cậu ông là ông Lê Văn NVsử dụng từ trước năm 1975. Đến năm 1987, ông NVtrả lại đất cho mẹ ông là bà Lê Thị Cnhưng mẹ ông đã cho ông sử dụng. Ông N đã đăng ký kê khai theo Chỉ thị 02/CT-UB và đóng thuế cho nhà nước. Ngày 28/9/2000, Ủy ban Nhân dân Quận A1 cấp Giấy chứng nhận số N 164692 cho hộ ông Phan Ngọc N.

Năm 2008 phần đất này được Ủy ban Nhân dân Quận A1 thu hồi do nằm trong quy hoạch dự án chỉnh trang phát triển đô thị tại phường LB1. Ban Bồi thường – Giải phóng Mặt bằng Quận A1 đã kiểm kê đất, ông đã nhận được Quyết định công bố giá trị bồi thường số 1152/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 với số tiền bồi thường là 1.801.914.000 đồng. Nhưng ông chưa nhận tiền bồi thường vì đất đang tranh chấp với ông Trần Văn P nên Ban Bồi thường – Giải phóng Mặt bằng Quận A1 đã ban hành Công văn 949/BBT ngày 24/11/2015 gửi số tiền bồi thường trên vào Ngân hàng chờ phán quyết của Tòa án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M trình bày:

Đất tranh chấp do cha của bà là ông Lê Văn NVvà mẹ Nguyễn Thị KK khai phá từ năm 1960, đến năm 1991 cho vợ chồng bà canh tác và sử dụng ổn định cho đến nay. Đến năm 2008 gia đình bà mới biết thửa đất 420, tờ bản đồ 12 (theo tài liệu 02) nay thuộc thửa 05, tờ bản đồ 84, phường LB1, Quận A1 (theo tài liệu năm 2003) đã được Ủy ban Nhân dân Quận A1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Ngọc N từ năm 2000.

Bà Phan Ngọc D, bà Nguyễn Thị M1, bà Phan Ngọc Y, bà Lê Thị Cvà bà Lê Ánh Qđã có bản tự khai và có đơn yêu cầu Toà án hoà giải và xét xử vắng mặt.

Bà Võ Thị Ngọc D1đại diện theo ủy quyền cho Uỷ ban Nhân dân Quận A1, Thành phố A có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông Trần Văn P giữ nguyên yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số N 164692 ngày 28/9/2000 mà Ủy ban Nhân dân Quận A1 đã cấp cho ông Phan Ngọc N đối với thửa đất 420, tờ bản đồ số 12 (tài liệu 02), phường LB1, Quận A1, Thành phố A.

Công nhận cho ông quyền sử dụng đối với diện tích đất 1658m^2 thuộc thửa 420, tờ bản đồ số 12 (theo tài liệu 02), phường LB1, Quận A1, Thành phố A. Ông được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để nhận tiền bồi thường theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày quan điểm:

Thửa đất 420, tờ bản đồ số 12 (theo tài liệu 02), phường LB1, Quận A1, Thành phố A có nguồn gốc là của ông Lê Văn NVsử dụng từ trước năm 1975

đến năm 1991 cho lại cho con gái là bà Lê Thị M và con rể là ông Trần Văn P sử dụng. Trên đất có căn nhà lá và trồng một số cây ăn trái. Theo Công văn số 51/UBND ngày 03/4/2014 và Công văn số 105/UBND ngày 06/6/2016 của Ủy ban Nhân dân phường LB1 thì năm 2003 ông P đứng tên kê khai và sử dụng đất. Theo Tờ khế ước tá điền mà ông N cung cấp cho Tòa án thì trước năm 1975 cha mẹ ông N không có đất nên phải đi thuê đất để canh tác, thời hạn thuê 05 năm thì không có việc mẹ ông N có đất để cho anh trai là ông NVsử dụng. Ông Phan Ngọc N kê khai gian dối nên được Ủy ban Nhân dân Quận A1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N: 164692 ngày 28/9/2000. Tại Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 07/7/2008 có nội dungỦy ban Nhân dân Quận A1 thu hồi trọn thửa số 5 (nay là thửa 420,421) của ông Trần Văn P. Đất do vợ chồng ông P, bà M sử dụng ổn định từ năm 1991 đến nay. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N: 164692 ngày 28/9/2000 mà Ủy ban Nhân dân Quận A1 đã cấp cho hộ ông Phan Văn N đối với thửa đất 420, tờ bản đồ số 12 (tài liệu 02), phường LB1, Quận A1, Thành phố A. Công nhận cho ông P quyền sử dụng đối với diện tích 1658m^2 đất thuộc thửa 420, tờ bản đồ số 12 (theo tài liệu 02), phường LB1, Quận A1, Thành phố A. Ông P được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc nhận tiền bồi thường theo quy định.

Bị đơn ông Phan Ngọc N trình bày:

Thửa 420, tờ bản đồ số 12 (theo tài liệu 02), phường LB1, Quận A1, Thành phố A có nguồn gốc là của cha mẹ ông cho cậu ông là ông Lê Văn NVsử dụng từ trước năm 1975. Đến năm 1987 ông NVtrả lại đất cho mẹ ông nhưng mẹ ông đã giao cho ông sử dụng nên ông mới được đăng ký kê khai theo Chỉ thị 02/CT-UB và được Ủy ban Nhân dân Quận A1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 164692 ngày 28/9/2000. Thửa đất 420 thuộc quy hoạch dự án chỉnh trang phát triển đô thị phường LB1, Quận A1 đã có Quyết định công bố giá trị bồi thường số 1152/QĐ-UBND ngày 21/10/2015. Do vậy, ông không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Bản án sơ thẩm số 555/2018/DS-ST ngày 19/10/2018 của Tòa án Nhân dân Quận A1, Thành phố A đã tuyên như sau:

- Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 34 và khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Đất đai năm 1993;
- Căn cứ Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn P về việc yêu cầu huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 164892 do Uỷ ban Nhân dân Quận A1 cấp ngày 28/9/2000 cho hộ ông Phan Ngọc N, đối với phần diện tích đất

1.658m^2 thuộc thửa 420, tờ bản đồ 12 (theo tài liệu 02) nay thuộc thửa 05, tờ bản đồ 84 (theo tài liệu năm 2003) phường LB1, Quận A1, Thành phố A.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn P về việc yêu cầu công nhận cho ông quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất là 1.658m^2 thuộc thửa 420, tờ bản đồ 12 (theo tài liệu 02) nay thuộc thửa 05, tờ bản đồ 84 (theo tài liệu năm 2003) phường LB1, Quận A1, Thành phố A.

Ông Phan Ngọc N được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để nhận tiền bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất và thực hiện Csách về thu hồi đất đối với thửa 420, tờ bản đồ 12 (theo tài liệu 02) nay thuộc thửa 05, tờ bản đồ 84, phường LB1, Quận A1 (theo tài liệu năm 2003) theo quy của pháp luật ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/10/2018, nguyên đơn - ông Trần Văn P kháng cáo toàn bộ nội dungbản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Các đương sự giữ nguyên lời trình bày như ở Toà án cấp sơ thẩm.

Người làm chứng – ông Lê TH trình bày: Ông là người hàng xóm, ở gần phần đất tranh chấp từ sau giải phóng đến nay. Ông không có mâu thuẫn hay họ hàng bà con gì với hai bên đương sự. Phần đất tranh chấp là do gia đình, cha mẹ và vợ ông P sử dụng trước đây, sau đó, vợ chồng ông P tiếp tục canh tác, sử dụng cho đến nay. Ông N không hề có úa trình sử dụng trực tiếp đối vối phần đất này.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố A phát biểu quan điểm về vụ án:

1. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

2. Về nội dungkháng cáo: Nguyên đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình. Bị đơn đã đăng ký và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Đơn kháng cáo của ông Trần Văn N là làm trong hạn luật định và đã làm thủ tục kháng cáo đúng theo quy định pháp luật là hợp lệ nên có cơ sở chấp nhận.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Phan Ngọc D, bà Nguyễn Thị M1, bà Phan Ngọc Y, bà Lê Thị CT, bà Lê Ánh Q và Ủy ban Nhân dân Quận A1 vắng mặt tại phiên toà thuộc trường hợp đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên toà, có đơn xin vắng mặt tại Tòa án Nhân dân các cấp trong qua trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan này.

3. Qua yêu cầu kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có những thiếu sót sau:

3.1. Thu thập chứng cứ, xác minh làm rõ tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận cấp cho hộ gia đình ông N có những người nào để đưa tham gia tố tụng.

Theo Bản độ hiện trạng vị trí – áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở tài nguyên và Môi trường lập ngày 31/5/2013 xác định phần đất tranh chấp có diện tích 1.658m2 thuộc thửa 420, tờ bản đồ số 84, bộ dịch Cphường LB1, Quận A1 (theo tài liệu năm 20014) (BL 155). Phần đất tranh chấp thuộc một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00933/QSDĐ/LB do Ủy ban Nhân dân Quận A1 cấp cho hộ gia đình ông Phan Ngọc N ngày 28/9/2000 (BL 73-75). Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ, xác minh làm rõ tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/9/2000 hộ ông Phan Ngọc N có những ai để đưa tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng.

3.2. Xác minh làm rõ những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nây, bà KK là những người nào để đưa tham gia tố tụng.

Phía nguyên trình bày phần đất tranh chấp có nguồn gốc do ông Lê Văn NVvà bà Nguyễn Thị 1K tạo lập và cho là vợ chồng ông P, bà M từ năm 1991. Về phía bị đơn, tại Tờ tự khai nguồn gốc khu đất xin sử dụng (đính kèm đơn xin sử dụng đất) ngày 16/9/1997 của ông Phan Ngọc N đã nộp tại Ủy ban N Quận A1 để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 85) ông N đã khai nguồn gốc sử dụng đất "trước năm 1975 Lê văn NV sử dụng (là cậu ruột); từ năm 1975-1987 Lê Văn NV sử dụng; Từ năm 1987 đến nay Phan Ngọc N trực tiếp sử dụng". Như vậy có cơ sở xác định khi nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông N đã thừa nhận phần đất có nguồn gốc của ông NV. Căn cứ Giấy chứng tử số 34/2005 Quyết số 01 do Ủy ban Nhân dân phường LB1, Quận

A1 cấp ngày 07/7/2005 xác định bà Nguyễn Thị KK đã chết tháng 12 năm 1998 (BL 72). Căn cứ Giấy chứng từ số 47/2005 Quyển số 01 do Ủy ban Nhân dân phường LB1, Quận A1 cấp ngày 28/9/2005 xác định ông Lê Văn NVđã chết ngày 27/9/2005 (BL 71). Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa bà Lê Ánh Qtham gia tố tụng, tại bản tự khai ngày 19/7/2018 bà Qtự khai là con của ông Lê Văn NV(BL 147). Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ, xác minh làm rõ bà Qcó phải là con của ông NVhay không; ngoài bà Qhàng thừa kế thứ nhất của ông NV, bà KK còn có ai khác hay không để đưa tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng.

3.3. Xem xét giá trị tài sản trên đất

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/12/2017 (BL 191) thể hiện trên phần đất tranh chấp có một mái nhà tạm, trên đất có một số cây ăn quả như mận, mít, xoài do gia đình ông P, bà M trồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P, bà M yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét phần giá trị tài sản trên đất. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không hỏi đương sự về ý kiến của mình đối với phần giá trị tài sản trên đất trong trường hợp không chấp nhận yêu cầu, chưa xem xét giá trị tài sản trên phần đất tranh chấp là chưa giải quyết toàn diện, triệt để vụ án, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông P, bà M.

Xét thấy, những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, để vụ án được giải quyết toàn diện, triệt để và đảm bảo hai cấp xét xử cần hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo đúng quy định pháp luật.

Do hủy về tố tụng, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét về nội dung vụ án.

4. Về án phí:

Do hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự không ai phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử sụng án phí và lệ phí Tòa án;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009,

Tuyên xử:

1. Hủy bản án sơ thẩm số 555/2018/DS-ST ngày 19/10/2018 của Tòa án Nhân dân Quận A1, Thành phố A.

Giao hồ sơ cho Tòa án Nhân dân Quận A1, Thành phố A xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho ông P 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0039837 của Chi cục Thi hành ánhân dân sự Quận A1, Thành phố A.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND Tối cao;
-TAND Cấp cao tại Tp.HCM
-VKSND Cấp cao tại Tp.HCM
-VKSND Tp.HCM;
-TAND Quận A1;
- Chi cục THADS Quận A1;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Đức T